TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/DS-ST
Ngày: 18/01/2023
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Nga;

2. Bà Nguyễn Thị Ly.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 279/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2022 về "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 609/2022/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 573/2022/QĐST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Tài chính TNHH Một thành viên A; địa chỉ: lầu B, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Ông T– Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông M – Chức vụ: Giám đốc điều hành cấp cao Bộ phận thẩm định và quản lý công nợ (theo Văn bản ủy quyền số 14/2020/UQ-A ngày 06/10/2020).

Người được ủy quyền lại: Ông Trương Quốc BN, sinh năm 1984 – Chức vụ: Nhân viên A; địa chỉ: lầu B, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Văn bản ủy quyền số 135/2022/UQ-LM-A ngày 04/11/2022 của ông M); có mặt.

2. Bị đơn: Ông Lê Thanh T, sinh năm 1974; địa chỉ: số 640, Tổ 8, ấp BN, xã TM, huyên CM, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện và các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày,* ngày 17/01/2022, ông Lê Thanh T ký hợp đồng số 907150002425012000 với Công ty Tài chính TNHH Một thành viên A (sau đây gọi tắt là A) vay tiền mua sản phẩm thiết bị điện trong nhà theo hình thức trả góp hàng tháng; thời hạn vay 24 tháng; số tiền thanh toán mỗi tháng: 1.953.503đồng; số tiền vay 30.000.000 đồng, lãi suất hàng tháng 3.8700%.

Theo thỏa thuận ông T có trách nhiệm thanh toán bao gồm gốc và lãi trong vòng 24 tháng, mỗi tháng ông T phải thanh toán cho A số tiền là 1.953.503 đồng vào trước hoặc đúng ngày 12 tháng cho đến khi kết thúc hợp đồng; ngày thanh toán đầu tiên bắt dầu từ ngày 14/02/2022. Từ ngày 14/02/2022 đến ngày 31/3/2022 ông T thanh toán được cho A số tiền là 2.059.981 đồng. Tuy nhiên, sau ngày 31/3/2022 đến nay ông T không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán và cố tình lẩn tránh, mặc dù A đã nhiều lận gọi điện thoại yêu cầu thanh toán, nhiều lần đến nhà ông T yêu cầu thanh toán. Tổng dư nợ hiện tại của ông T tính đến ngày 30/11/2022 là 40.374.095đồng.

Do vậy, Công ty A yêu cầu: Buộc ông T phải thanh toán một lần toàn bộ khoản nợ cho A, số tiền tính hết hết ngày 30/11/2022 là 40.374.095đồng và ông T tiếp tục phải thanh toán cho A tiền lãi phát sinh do nợ quá hạn, lãi quá hạn, các loại phí từ sau ngày 30/11/2022 cho đến khi hết nợ.

Ông Lê Thanh T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cũng như văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt không lý do, nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa,

- Đại diện Công ty A trình bày, giữ một phần yêu cầu khởi kiện, rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tình phí khoản vay, các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp là đúng; tại phiên tòa cung cấp bổ sung tài liệu bản tự khai, bảng kê tiền lãi

chi tiết, thể hiện tính đến ngày xét xử tổng số nợ của ông T là 42.474.725 đồng (trong đó: nợ gốc là 28.944.435 đồng, lãi trong hạn là 12.453.557 đồng, lãi quá hạn 932.733 đồng, đại diện nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với phí quản lý khoản vay 144.000 đồng, nên còn yêu cầu ông T phải thanh toán số tiền là 42.330.725 đồng tạm tính đến ngày 18/01/2023.

- Ông Lê Thanh T vắng mặt, nên không ghi nhận ý kiến tại phiên tòa, ông T cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã chấp hành theo quy định tại các Điều 70, 71 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Lê Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty tài chính TNHH một thành viên A(A);

- Buộc ông Lê Thanh T có nghĩa vụ trả cho Công ty tài chính TNHH một thành viên A(A) số tiền 42.330.725 đồng gồm vố 28.944.435 đồng, lãi trong hạn 12.453.557 đồng, lãi quá hạn 932.733 đồng tính đến ngày 18/01/2023 và tiền lãi phát sinh cho đến khi hết nợ.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty tài chính TNHH một thành viên A(A) đối với phí quản lý khoản vay 144.000đồng.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vốn, lãi cho vay theo hình thức hợp đồng tín dụng. Ông Lê Thanh T hiện cư trú tại huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, điểm g, h khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự; về quan hệ tranh

chấp do nguyên đơn, bị đơn ký hợp đồng theo hình thức hợp đồng tín dụng, nhưng ông T không đăng ký kinh doanh, không có mục đích lợi nhuận, nên Hội đồng xét xử thống nhất, quan hệ pháp luật giải quyết là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

[1.2] *Về thủ tục tố tụng, sự vắng mặt của đương sự*: Tòa án đã triệu tập đương sự hợp lệ lần thứ hai, nhưng ông Lê Thanh T vẫn không có mặt tại phiên tòa. Nên, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về việc ủy quyền tham gia tố tụng: Đại diện công ty A ủy quyền cho ông BN tham gia tố tụng phù hợp với quy định tại Điều 85, 86 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên ông BN có đầy đủ các quyền, nghĩa vụ đương sự theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng:* giữa A và ông Lê Thanh T đã xác lập Hợp đồng tín dụng số 907150002425012000 ngày 17/01/2022, Phụ lục kèm theo Hợp đồng tín dụng số 907150002425012000 ngày 17/01/2022, giấy nhận nợ Hợp đồng tín dụng số 907150002425012000 ngày 17/01/2022 với nội dung như đại diện nguyên đơn đã trình bày. Xét thấy, hợp đồng được các bên giao kết trên nguyên tắc tự nguyện; hình thức và nội dung của hợp đồng tại thời điểm xác lập phù hợp với quy định của pháp luật; lãi suất các bên thỏa thuận phù hợp với Quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Do đó, hợp đồng trên có giá trị pháp lý và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên. Sau khi ký kết hợp đồng, ông T đã thực hiện trả được một phần tiền nợ vốn và lãi, nhưng sau đó ông T không tiếp tục thanh toán cho A theo đúng thỏa thuận, không thực hiện thanh toán nợ gốc, lãi theo kỳ thanh toán là vi phạm hợp đồng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của A. Mặt khác, quá trình giải quyết, xét xử vụ án, ông T không thể hiện ý kiến bằng văn bản, không giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của A là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc ông T phải trả cho A số tiền tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 18 tháng 01 năm 2023) theo Hợp đồng tín dụng số 907150002425012000 ngày 17/01/2022, Phụ lục kèm theo Hợp đồng tín dụng số 907150002425012000 ngày 17/01/2022, giấy nhận nợ Hợp đồng tín dụng số 907150002425012000 ngày 17/01/2022, với số tiền nợ gốc là 28.944.435đồng, lãi trong hạn là 12.453.557đồng, lãi quá hạn là 932.733 đồng, tổng số tiền là 42.330.725 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện A rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính phí quản lý khoản vay, và số tiền phí quản lý khoản vay tính tới thời điểm xét xử là 144.000đồng.

[2.2] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Lê Thanh T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất mà cá bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 907150002425012000 ngày 17/01/2022, Phụ lục kèm theo Hợp đồng tín dụng số 907150002425012000 ngày 17/01/2022, giấy nhận nợ Hợp đồng tín dụng số 907150002425012000 ngày 17/01/2022 đã ký kết, cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 299, 309, 310, 314, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 14 và khoản 16 Điều 4, Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, điểm g, h khoản 1 Điều 40 các Điều 147, 157, 217, 227, 244, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn một thành viên A(A) đối với ông Lê Thanh T.

1.1. Buộc ông Lê Thanh T có nghĩa vụ trả cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn một thành viên A(A) với tổng số tiền là 42.330.725 đồng *(bốn mươi hai triệu, ba trăm ba mươi nghìn, bảy trăm hai mươi lăm đồng)* (trong đó: nợ gốc là 28.944.435đồng, lãi trong hạn là 12.453.557đồng, lãi quá hạn là 932.733 đồng), tạm tính đến ngày 18 tháng 01 năm 2023.

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 907150002425012000 ngày 17/01/2022, Phụ lục kèm theo Hợp đồng tín dụng

số 907150002425012000 ngày 17/01/2022, giấy nhận nợ Hợp đồng tín dụng số 907150002425012000 ngày 17/01/2022 đã ký kết. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn một thành viên A(A) cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn một thành viên A(A) cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh phù hợp với lãi suất của Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn một thành viên A(A) cho vay.

1.3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn một thành viên A(A) đối với yêu cầu tính phí quản lý khoản vay và đình chỉ yêu cầu với số tiền tính phí quản lý khoản vay là 144.000 đồng *(một trăm bốn mươi bốn nghìn đồng)*, tính tới thời điểm xét xử ngày 18/01/2023.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn một thành viên A(A) được nhận lại số tiền 806.000 đồng *(tám trăm không sáu nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án, lệ phí Tòa án số 0012636 ngày 17 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

3.2. Ông Lê Thanh T phải chịu 2.116.536 đồng *(hai triệu, một trăm mười sáu nghìn, năm trăm ba mươi sáu đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

- Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn một thành viên A(A) có mặt, có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

- Riêng thời hạn kháng cáo của ông Lê Thanh T là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND H. Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS H. Chợ Mới (1);
- Các đương sự (để thi hành) (4);
- Người đại diện hợp pháp của đương sự (1);
- Lưu hồ sơ (1);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu văn phòng (1).

Nguyễn Trung Kiên